PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập

Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2010/TT-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 25/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 37/2009/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giá cước dịch vụ thư cơ bản (thư thường) trong nước đến 20 gram;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,[1]

---

[1] Thông tư số 07/2010/TT-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 39/2007/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông;

QUY ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá cước thu của khách hàng đối với dịch vụ bưu chính phổ cập bao gồm dịch vụ thư cơ bản trong nước và quốc tế (gồm cả bưu thiếp) có khối lượng đơn chiếc đến 02 (hai) kilôgam do Nhà nước đặt hàng Bưu chính Việt Nam cung ứng.

1. Bảng giá cước dịch vụ thư cơ bản trong nước

Phân loại	Nấc khối lượng	Mức cước (VND)
Thư	Đến 20 gram	2.000
	Trên 20 gram đến 100 gram	3.000
	Trên 100 gram đến 250 gram	4.500
	Mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram	2.000
Bưu thiếp		1.500

2. Bảng giá cước dịch vụ thư cơ bản quốc tế

Phân loại	Nấc khối lượng	Mức cước (USD)	
		Các nước APPU	Các nước khác
Thư	Đến 20 gram	0,5	0,6
	Trên 20 gram đến 100 gram	1,2	1,4
	Trên 100 gram đến 250 gram	2,3	2,7
	Mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram	2	
Bưu thiếp		0,4	

(APPU - Liên minh Bưu chính châu Á - Thái Bình Dương, gồm các nước: Cộng hòa Hồi giáo Áp-ga-ni-xtan, Cộng hòa Ấn Độ, Cộng hòa Nhân dân Băng-la-đét, Vương quốc Bu-tan, Bru-nây, Đa-rút-xa-lam, Vương quốc Căm-pu-chia,

---

Căn cứ Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 37/2009/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án điều chỉnh giá cước dịch vụ thư cơ bản (thư thường) trong nước đến 20 gram;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bưu chính,"

Cộng hòa Hồi giáo I-ran, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Quần đảo Sa-lô-mông, Hàn Quốc, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a, Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, Ma-lai-xi-a, Cộng hòa Man-đi-vơ, Liên bang Mi-an-ma, Mông Cổ, Na-u-ru, Cộng hòa Dân chủ Liên bang Nê-pan, Niu Di-lân, Nhật Bản, Ô-xtrây-li-a, Cộng hòa Hồi giáo Pa-kít-xtan, Nhà nước Pa-pua Niu Ghi-nê độc lập, Cộng hòa Phi-gi, Cộng hòa Phi-líp-pin, Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Dân chủ Xri Lan-ca, Vương quốc Thái Lan, Vương quốc Tonga, Cộng hòa Xinh-ga-po, Cộng hòa Va-nu-a-tu).

3.[2] Bảng phụ cước máy bay đối với dịch vụ thư cơ bản trong nước vận chuyển bằng đường máy bay

Phân loại	**Nấc khối lượng**	**Mức thu** (VND)
Thư	Đến 100 gram	500
	Trên 100 gram đến 250 gram	1.500
	Mỗi 250 gram tiếp theo đến 2.000 gram	2.000
Bưu thiếp		500

4.[3] Bảng phụ cước máy bay đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế vận chuyển bằng đường máy bay

Phân loại	**Nấc khối lượng**	**Mức thu (USD)**			
		Châu Á - Thái Bình Dương	**Châu Âu**	**Châu Phi**	**Châu Mỹ**
Thư	Đến 20 gram	0,2	0,3	0,4	0,5
	Trên 20 gram đến 100 gram	0,6	0,8	1,4	1,6
	Trên 100 gram đến 250 gram	2,0	2,5	4,0	4,7

[2] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 07/2010/TT-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 07/2010/TT-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

Phân loại	Nấc khối lượng	Mức thu (USD)			
		Châu Á - Thái Bình Dương	Châu Âu	Châu Phi	Châu Mỹ
	Mỗi 250 gram tiếp theo đến 1.000 gram	2,5	3,5	5,2	5,6
	Mỗi 250 gram tiếp theo từ trên 1.000 gram đến 2.000 gram	2,0	3,5	4,5	4,5
	Bưu thiếp	0,1	0,15	0,2	0,25

Điều 2. Giá cước các dịch vụ bưu chính phổ cập quy định tại Thông tư này không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 3.[4] Giá cước dịch vụ thư cơ bản quốc tế và phụ cước máy bay đối với dịch vụ thư cơ bản quốc tế vận chuyển bằng đường máy bay được quy định bằng ngoại tệ và được thanh toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm giao dịch.

Điều 4. Bưu chính Việt Nam có trách nhiệm:

1. Cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dịch vụ bưu chính công ích do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và giá cước quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2. Thực hiện các quy định về cung ứng dịch vụ bưu chính phổ cập theo quy định của pháp luật.

Điều 5.[5] Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2009. Những quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bị bãi bỏ.

---

[4] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 07/2010/TT-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

[5] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 07/2010/TT-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Thông tư số 13/2009/TT-BTTTT ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông về giá cước dịch vụ bưu chính phổ cập, có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 quy định như sau:

"Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 4 năm 2010.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này."

Điều 6. Vụ trưởng Vụ Bưu chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số: 2203/VBHN-BTTTT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2013

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng